

Đại vũ đài

大舞台

人世五千载，
中原是戏台。
心痴戏中事，
陆离多姿彩。
醒来看你我，
戏台为法摆。

李洪志

2002年2月1日

Đại vũ đài

Nhân thế ngũ thiên tải,
Trung Nguyên thị hí đài.
Tâm si hí trung sự,
Lục ly đa tư thái.
 Tỉnh lai khán nhĩ ngã,
Hí đài vi Pháp bải.

Lý Hồng Chí

2002 niên 2 nguyệt 1 nhật

Diễn nghĩa:

Vũ đài lớn

Thế gian con người trải diễn qua năm nghìn [năm],
Trung Nguyên là một đài diễn kịch.
Tâm si mê vào sự tình trong vở kịch,
Các thứ bao nhiêu sắc màu.
Tỉnh lại nhìn chur vị nhìn tôi,
Đài diễn kịch [ấy] là vì Pháp mà bải đặt ra.

Tạm dịch:

Đại vũ đài

Nhân thế năm nghìn năm,
Trung Nguyên là hí đài.
Tâm mê theo kịch sự,
Các thứ bao sắc màu.
Tỉnh lại ta nhìn nhau,
Hí đài lập vì Pháp.

Lý Hồng Chí

1 tháng Hai, 2002

Chú thích của người dịch: Dịch từ bản tiếng Hán (http://www.falundafa.org/book/eng/jw_66.htm) lần đầu ngày 16-2-2002. Người đọc nên cố gắng đọc nguyên tác để nắm chính xác nội dung; phần *diễn nghĩa* và *tạm dịch* chỉ để tham khảo.

Trung Nguyên: vùng châu thổ trung tâm Trung Quốc về phía Đông, để chỉ Trung Quốc nói chung.